

**PHỤ LỤC SỐ 04**  
**APPENDIX 04**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**ANNUAL REPORT**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)*  
*(Promulgated with the Circular No 155/2015/TT-BTC on October 06, 2015 of the Ministry of Finance guiding the Information disclosure on securities markets)*

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN/ANNUAL REPORT**

**Tên Công ty/Name of Company**

**Năm báo cáo/Year**

**I. Thông tin chung/ General information**

**1. Thông tin khái quát/ General information**

- Tên giao dịch/ Trading name: CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/ Certificate of business registration No: 6000173846
- Vốn điều lệ/ Charter capital: 16.136.900.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Owner's capital:
- Địa chỉ/ Address: Thôn Thuận Sơn, xã Thuận An, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.
- Số điện thoại/ Telephone: 02613 747053
- Số fax/ Fax:.....
- Website: caphethuanan.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có)/ Securities code (if any): TAN

**Quá trình hình thành và phát triển/ Incorporation and development process**

\* Quá trình hình thành và phát triển/ Foundation and development process (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/ Date of incorporation, time of listing, and development milestones since the establishment until now). Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV cà phê Thuận An theo Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2019 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc điều chỉnh Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cà phê Thuận An.

Kết quả của phiên đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng Công ty TNHH MTV cà phê Thuận An ngày 26/4/2019 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Chi tiết kết quả bán cổ phần thông qua đấu giá như sau:

- + Số lượng nhà đầu tư trúng đấu giá: 04 nhà đầu tư;
- + Giá bán cổ phần bình quân: 57.450,9 đồng/cổ phần;
- + Tổng số cổ phần trúng đấu giá: 1.343.505 cổ phần;
- + Tổng số cổ phần đã bán được: 1.343.505 cổ phần, chiếm 83,26% vốn điều lệ; (Tổng số tiền thu được qua đấu giá: 77.185.610.505 đồng)
- Cổ phần bán cho CBCNV: 189.500 cổ phần, chiếm 11,74% vốn điều lệ;
- Cổ phần nhà nước nắm giữ: 80.685 cổ phần, chiếm 5% vốn điều lệ.



- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần. Mã số doanh nghiệp: 6000173846. Đăng ký lần đầu: ngày 01 tháng 07 năm 2010. Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 25 tháng 07 năm 2019 được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV cà phê Thuận An (DNNN), ngày 25/7/2019. Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN.

\* Về đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom:

- Giấy Chứng nhận số 09/CPH/2019/GCNCP-VSD ngày 27/5 2019 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam Chứng nhận đăng ký cổ phiếu trúng đấu giá đã thanh toán;

- Công văn số 4638/VSD-ĐK ngày 27/5/2019 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam; V/v tỷ lệ sử hữu nhà đầu tư nước ngoài;

Công văn số 4639/VSD-ĐK ngày 27/5/2019 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam; V/v đăng ký, lưu ký cổ phiếu trúng đấu giá;

- Quyết định số 334/QĐ-SGDHN ngày 03/6/2019 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội; Về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phần của Công ty TNHH MTV cà phê Thuận An;

- Thông báo số 598/TB-SGDHN ngày 03/6/2019 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội; Thông báo ngày giao dịch đầu tiên cổ phần đăng ký giao dịch của Công ty TNHH MTV cà phê Thuận An. Cụ thể:

+ Loại chứng khoán: Cổ phần phổ thông;

+ Mã chứng khoán: TAN;

+ Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần;

+ Số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: 1.343.505 cổ phần;

+ Giá trị chứng khoán đăng ký giao dịch: 13.435.050.000 đồng;

+ Ngày giao dịch đầu tiên: Thứ Hai, ngày 10/6/2019;

+ Giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên: 57.500 đồng/cổ phần.

- Hợp đồng dịch vụ tư vấn đăng ký giao dịch Upcom (Đăng ký Công ty Đại chúng, Đăng ký chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) và đăng ký giao dịch Upcom sau khi cổ phần hóa) số 08/2019/HĐT/VTVC/SHS.HCM.TV, ngày 31/7/2019 giữa Công ty Cổ phần cà phê Thuận An và Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn-Hà Nội, Chi nhánh TP Hồ Chí Minh.

- Công văn số 5517/UBCK-GSĐC ngày 12/9/2019 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; V/v đăng ký công ty đại chúng.

- Công văn số 31/CV-CT ngày 18/9/2019 của Công ty Cổ phần cà phê Thuận An Đăng ký tham gia sử dụng hệ thống Công bố thông tin (IDS) gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

- Công văn số 9220/VSD-ĐK ngày 07/10/2019 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam V/v hồ sơ đăng ký lại thông tin sau khi chuyển thành công ty cổ phần - TAN.

- Công văn số 59/CV-TAN ngày 04/12/2019 của Công ty Cổ phần cà phê Thuận An V/v xin gia hạn thời gian bổ sung hồ sơ đăng ký chứng khoán lần đầu.

\* Các sự kiện khác/Other events:

Theo quy định tại Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100 % vốn điều lệ thành công ty cổ phần; “ ... Điều 21. Xử lý tài chính tại thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần, Khoản 3. Trong thời gian 90 ngày kể từ thời điểm được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần lần đầu, doanh nghiệp cổ phần hóa phải hoàn thành các công việc sau:

- a) Lập báo cáo tài chính tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp cổ phần lần đầu;
- b) Thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính;
- c) Quyết toán thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước với cơ quan thuế;
- d) Sau khi hoàn thành các quy định tại điểm a, b và c khoản này, doanh nghiệp cổ phần hóa đề nghị cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần và quyết toán: tiền thu về cổ phần hóa, chi trả chế độ cho người lao động dôi dư, chi phí cổ phần hóa theo quy định....”.

Triển khai các bước theo quy định có những vướng mắc cần xử lý như sau:

- Khoản lãi vay Agribank Đắk Mil, từ năm 2012 không có đối chiếu và xác nhận nợ giữa Công ty TNHH MTV với Agribank Đắk Mil nên không thể hiện trong Phương án cổ phần hóa;

- Khoản lỗ phát sinh của Công ty TNHH MTV từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm lập báo cáo tài chính, kiểm toán để chuyển sang Công ty cổ phần (24/7/2019) làm âm vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Qua nhiều cuộc họp để giải quyết, đến thời điểm ngày 20/3/2020 Agribank Đắk Nông, Agribank Đắk Mil, Công ty TNHH MTV và Công ty Cổ phần đã làm việc theo văn bản số 970/UBND-KTTH ngày 09/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông về việc xử lý các vướng mắc trong quá trình cổ phần hóa Công ty TNHH MTV cà phê Thuận An và ngày 23/3/2020 Ban Chi đạo CPH tỉnh Đắk Nông đã làm Tờ trình số 34/TTr-BCĐCPH về việc phê duyệt báo cáo tài chính, quyết toán tiền thu từ cổ phần hóa và công bố giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm doanh nghiệp cổ phần hóa chính thức chuyển thành công ty cổ phần trình UBND tỉnh Đắk Nông phê duyệt và xử lý dứt điểm các vướng mắc trên và tiến hành tổ chức bàn giao Công ty theo quy định.

## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ Lines and locations of the business:

- Ngành nghề kinh doanh/Lines of the business: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ Specify major lines of business or products and services which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years).

Ngành nghề kinh doanh của Công ty đăng ký trong Điều lệ tổ chức và hoạt động như sau:

| TT | Nội dung ngành nghề  | Mã ngành                     |
|----|--|------------------------------|
| 1  | Trồng cà phê   | 0126                         |
| 2  | Sản xuất và chế biến cà phê  | 1077                         |
| 3  | Mua, bán vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, giống cây trồng, giống vật nuôi) và cà phê              | 4669                         |
| 4  | Kinh doanh Mua, bán xăng dầu, chất bôi trơn động cơ  | 4661                         |
| 5  | Kinh doanh Dịch vụ tổng hợp:<br>- Buôn bán thực phẩm<br>- Dịch vụ ăn uống khác<br>- Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp<br>- Buôn bán tổng hợp | 4632<br>5629<br>8110<br>4690 |

- Địa bàn kinh doanh/*Location of business*: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ *Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

Xã Thuận An, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông.

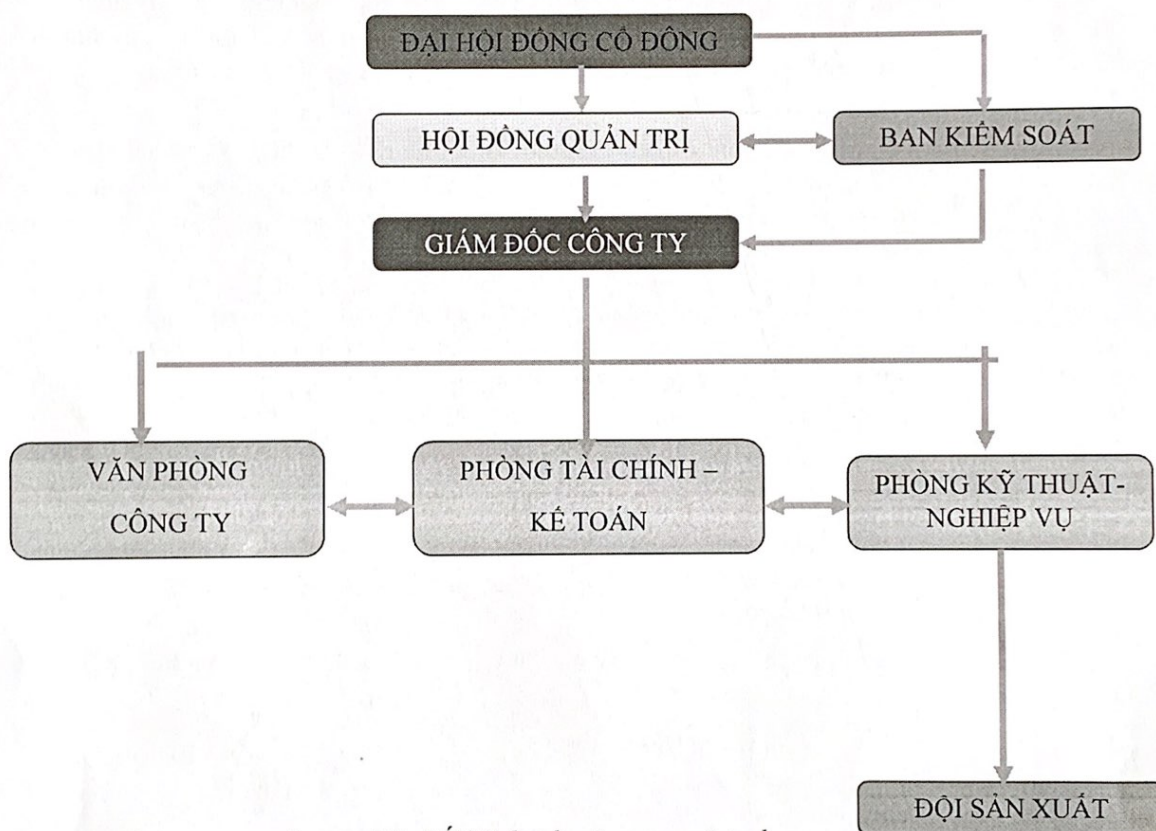
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ *Information about governance model, business organization and managerial apparatus*

- Mô hình quản trị/ *Governance model*.

Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc.

- Cơ cấu bộ máy quản lý/ *Management structure*.

### SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN



- Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies*: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết/ *Specify the names, addresses, major fields of production and business, paid-in charter capital, ownership rates of the Company in such subsidiaries, associated companies*).

Chưa có Công ty con, Công ty liên kết

4. Định hướng phát triển/ *Development orientations*

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/ *Main objectives of the Company*.

Mục tiêu chủ yếu của Công ty là triển khai phương án SXKD theo Phương án cổ phần hóa đã được phê duyệt nhằm sử dụng ổn định diện tích, lao động trong giai đoạn chuyển đổi.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/ *Development strategies in medium and long term.*

Công ty đang có kế hoạch thanh lý dần diện tích cà phê kinh doanh già cỗi (trông từ những năm 1978, 1979, 1985 và 1986). Xây dựng Dự án phát triển trồng 93 ha Bưởi da xanh và 109 ha Bơ.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty/ *Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability.*

+ Hoàn thiện xây dựng quy hoạch phát triển nông sản xuất khẩu theo hướng bền vững và tương đối ổn định. Trên cơ sở đó, xác định quy hoạch sử dụng đất đai, nguồn nước, quy hoạch phát triển công nghiệp, phát triển thị trường, cơ sở hạ tầng. Quy hoạch sản xuất gắn liền với quy hoạch công nghiệp chế biến, quy hoạch vùng Tây Nguyên.

+ Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững: Chú trọng các vấn đề: ổn định dân cư, xóa đói giảm nghèo và giải quyết công bằng xã hội, phát triển giáo dục, đào tạo, giải quyết việc làm, phát triển y tế, chăm sóc sức khỏe, cải thiện khả năng tiếp cận thông tin, giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống.

+ Đẩy mạnh đầu tư thâm canh, tăng năng suất và chất lượng nông sản: Nâng cao vốn đầu tư, tăng khả năng các kênh thu hút vốn mà trọng tâm là kênh tín dụng. Áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật; đẩy mạnh cơ khí hóa nông nghiệp, triển khai chương trình hóa học hóa, sinh học hóa trong phát triển nông sản xuất khẩu; nâng cao năng lực tưới tiêu chủ động. Áp dụng các quy trình canh tác tiên tiến.

+ Phát triển công nghiệp chế biến nông sản, gắn công nghiệp chế biến với vùng nguyên liệu: Xây dựng công nghiệp chế biến dựa vào nguồn nguyên liệu Dự án, đa dạng hóa về quy mô và loại hình sản xuất, từng bước hình thành các cơ sở chế biến tập trung. Đầu tư thiết bị tiên tiến, công nghệ hiện đại để sản phẩm có chất lượng cao, khuyến khích các thành phần kinh tế cùng tham gia đầu tư phát triển công nghiệp chế biến.

+ Phát triển cơ sở hạ tầng: đường giao thông, thủy lợi. Phát triển thị trường, ổn định giá cả và thương hiệu, xuất xứ hàng hóa, sản phẩm; đẩy mạnh xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm, cải tiến phương thức xuất khẩu. Thúc đẩy liên kết kinh tế theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, coi trọng lợi ích của nông dân. Đa dạng hóa các loại hình liên kết như: liên kết giữa doanh nghiệp chế biến với nông dân, liên kết Bốn nhà, liên kết sản xuất và tiêu thụ, liên kết các nhà xuất khẩu, ... Thực hiện các chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước trong phát triển kinh tế xã hội Tây Nguyên nói chung và phát triển nông sản xuất khẩu của vùng nói riêng.

+ Quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn nước trong sản xuất. Gắn việc tổ chức SXKD nông sản xuất khẩu với việc giữ gìn đa dạng hóa sinh học và bảo vệ môi trường sinh thái.

5. *Các rủi ro/ Risks:* (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường)/ *Specify the risks probably affecting the production and business operations or the realization of the Company's objectives, including environmental risks).*

+ Giá cả nông sản không ổn định dẫn đến thu nhập của người lao động không ổn định;

nhu cầu sản phẩm của các thị trường không ổn định ảnh hưởng đến việc tiêu thụ nông sản.

+ Vai trò điều hành vĩ mô của nhà nước, các chính sách về phát triển nông sản xuất khẩu; cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực còn yếu kém.

+ Môi trường phụ thuộc và yếu tố tự nhiên nhiều, việc biến đổi khí hậu toàn cầu; rác thải ngày càng tăng cao, văn hóa xã hội, dân trí địa bàn Tây Nguyên thấp, ...

## **II. Tình hình hoạt động trong năm/ Yearly Operations**

### *1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ Situation of production and business operations*

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/ *Results of business operations in the year*: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp...vvv./*Specify the results achieved for the year. Specify major changes and movements in business strategy, revenue, profits, costs, markets, products, supplies, etc..*

**a/ Tình hình tài chính:** Theo số liệu bàn giao tại thời điểm Công ty Cổ phần đăng ký thành lập doanh nghiệp (ngày 25/7/2029). Số dư tiền mặt và tiền gửi ngân hàng của Công ty là: 300.565.868 đồng. Trong đó khoản dự toán chi phí cổ phần hóa Công ty TNHH MTV không chi hết là 93.810.000 đồng. Ngoài ra, sản phẩm cà phê nhân vụ 2018-2019 không còn.

Công ty triển khai kế hoạch SXKD từ tháng 8 đến 31/12/2019: Chi trả lương thời gian bộ máy quản lý Công ty; tiếp tục đầu tư, chăm sóc 57,701 ha cà phê SXTT: Mua phân bón, thuốc BVTV, trả chi phí nhân công hàng tháng, sản phẩm cà phê quả tươi đến tháng 11 mới thu về. Để phơi khô, xay xát xuất bán phải sang năm 2020. Nhu cầu tài chính của Công ty giai đoạn này vô cùng khó khăn. Để giải quyết nhu cầu vốn cho hoạt động SXKD Công ty làm Tờ trình xin thanh lý vườn cà phê già cỗi tại Đợt 2, thông báo chào hàng cạnh tranh bán cây cà phê và muông đen trên diện tích thanh lý, vay ứng trước tiền sản phẩm của khách hàng để triển khai các hoạt động được bình thường, ổn định thu nhập và đời sống cho người lao động.

### **b/ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:**

Kế hoạch SXKD của Công ty theo Phương án cổ phần hóa được xây dựng căn cứ vào hoạt động những năm 2018 trở về trước. Khi đó, diện tích cà phê khoán của Công ty đang thu ổn định. Trong giai đoạn chuyển đổi, hợp đồng khoán hết hạn, diện tích cà phê quá già cỗi, không thể tiếp tục thu khoán được nữa, một số diện tích giảm đến 50% sản lượng nhưng Hộ nhận khoán vẫn không nhận, phải thanh lý. Công ty TNHH MTV chưa hoàn thành hợp đồng thuê đất mà chờ chuyển giao sang Công ty Cổ phần thực hiện. Công tác bàn giao chậm, việc chuyển đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn chưa hoàn thành. Nguồn thu nhập không có, Phương án hoạt động chưa xác định cụ thể về chuyển đổi mục đích cây trồng; hồ sơ thế chấp để vay vốn triển khai hoạt động SXKD chưa hoàn chỉnh, ... Từ những khó khăn trên, kết quả hoạt động SXKD từ 25/7 đến 31/12/2019 theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty không đạt theo kế hoạch của Phương án cổ phần hóa. Kết quả hoạt động theo báo cáo không lỗ nhưng thực chất là Công ty đã bù đắp chi phí SXKD từ nguồn bán thanh lý vườn cà phê, tài sản trên đất. Căn cứ biên bản xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa, Kiểm toán Nhà nước khu vực XII đã xác định những vườn cà phê khoán còn lại 20% nguyên giá theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch 17/2015/TTLT-BNNPTNT-BTC ngày 22/4/2015. Cụ thể Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh từ 25/7 đến 31/12/2019 (Mẫu số: B02-DN):

- Về doanh thu: 1.868.461.046 đồng
  - + Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 1.079.982.000 đồng
  - + Doanh thu hoạt động tài chính: 1.636.046 đồng
  - + Thu nhập khác (thanh lý cây cà phê, muông): 786.843.000 đồng
  - Về chi phí: 1.810.033.128 đồng
  - + Giá vốn hàng bán: 56.238.115 đồng
  - + Chi phí tài chính: 9.108.000 đồng
  - + Chi phí quản lý doanh nghiệp: 1.671.867.574 đồng
  - + Chi phí khác: 72.819.439 đồng
  - Lợi nhuận kế toán trước thuế: 58.427.918 đồng
  - + Chi phí thuế TNDN hiện hành: 39.582.871 đồng
  - Lợi nhuận sau thuế TNDN: 18.845.047 đồng
- (Báo cáo tài chính từ 25/7 đến 31/12/2019 kèm theo).

**c/ Những tiến bộ đã đạt được:**

- Cải cách về cơ cấu tổ chức: Tiếp quản nguyên trạng bộ máy quản lý, giải quyết các lao động dôi dư theo phương án cổ phần hóa. Thực hiện chi trả lương theo chính sách và mức lương cũ. Tiết kiệm chi phí quản lý doanh nghiệp: hạn chế sử dụng ô tô, điện, nước, văn phòng phẩm, tiếp khách, ...; tận dụng những tài sản, thiết bị, dụng cụ quản lý còn sử dụng được, không mua sắm mới.

- Một số biện pháp kiểm soát rủi ro, tăng cường hiệu quả hoạt động: Trong thanh lý vườn cây giá cổ, bán cây cà phê, muông đen thực hiện theo phương thức đấu thầu rút gọn, chào hàng cạnh tranh đạt hiệu quả cao. Về công tác chỉ đạo, bảo vệ thu hoạch vụ 2019-2020, Công ty hợp đồng bảo vệ với Công ty TNHH Vệ sĩ Trịnh Lưu. Sản lượng cà phê quả tươi thu khoán năm 2019 thấp, Công ty đề ra giải pháp được nộp bằng tiền mặt theo giá thị trường hàng ngày trên trang mạng *giacaphe.com*, hạn chế được khó khăn trong giao nộp cho người nhận khoán và hoàn thành được 100% kế hoạch, huy động được nguồn tài chính để phục vụ SXKD.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch/ *Implementation situation/actual progress against the plan*: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/ đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề./ *Comparing the actual progress with the targets and the results of the preceding years. Analyzing specific reasons of the unachievement/ achievement/ excess of the targets and against the preceding years.*

Công ty mới chuyển đổi từ ngày 25/7/2019 nên chưa có số liệu so sánh.

**2. Tổ chức và nhân sự/ Organization and Human resource**

- Danh sách Ban điều hành/ *List of the Board of Directors*: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác/ *List, curriculum vitae and ownership percentage in voting shares and other securities issued by the Company of the General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other managers*).

**DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH**

| TT | Họ và tên | Chức danh | Ngày, tháng, năm sinh | CMND, ngày, nơi cấp | Thường trú | Số cổ phần sở hữu |
|----|-----------|-----------|-----------------------|---------------------|------------|-------------------|
|    |           |           |                       |                     |            |                   |

|    |                     |                                  |            |  |  |       |
|----|---------------------|----------------------------------|------------|--|--|-------|
| 01 | Lê Văn Một          | Giám đốc                         | 12/02/1978 | 245229777.<br>CA Đắk<br>Nông cấp:<br>01/4/2010 | P. Nghĩa Tân,<br>TP Gia<br>Nghĩa, Đắk<br>Nông        | 0     |
| 02 | Đình Cư             | KTT, TP<br>TCKT                  | 10/3/1963  | 245098168.<br>CA Đắk<br>Nông cấp:<br>21/5/2015 | TDP12, TT<br>Đắk Mil, Đắk<br>Mil, Đắk<br>Nông        | 3.600 |
| 03 | Phan Thái           | Thế TP.<br>KTNVkiêm<br>ĐT Đội SX | 06/6/1960  | 245152276.<br>CA Đắk<br>Nông cấp:<br>02/8/2007 | Thôn Thuận<br>Hòa, Thuận<br>An, Đắk Mil,<br>Đắk Nông | 3.900 |
| 04 | Trần Ngọc<br>Nguyễn | PCVP, Phụ<br>trách VP            | 28/4/1970  | 245366777.<br>CA Đắk<br>Nông cấp<br>11/11/2015 | TDP12, TT<br>Đắk Mil, Đắk<br>Mil, Đắk<br>Nông        | 2.400 |
| 05 | Nguyễn Sỹ<br>Anh    | Phó P.<br>KTNV                   | 07/10/1991 | 183847572.<br>CA Hà Tĩnh<br>cấp<br>04/8/2009   | Thôn Thuận<br>Sơn, Thuận<br>An, Đắk Mil,<br>Đắk Nông | 900   |
| 06 | Trần Xuân<br>Hùng   | PCVP, Phó<br>VP                  | 20/11/1989 | 241055062<br>CA Đắk Lắk<br>cấp<br>01/6/2019    | Hòa Đông,<br>Krông Pắc,<br>Đắk Lắk                   | 1.100 |
| 07 | Hoàng<br>Trường Sơn | Đội phó<br>Đội SX                | 09/01/1988 | 245004708<br>CA Đắk<br>Nông cấp<br>25/11/2010  | TDP 1, TT<br>Đắk Mil, Đắk<br>Mil, Đắk<br>Nông        | 1.000 |
| 08 | Trần Anh Sơn        | Đội phó<br>Đội SX                | 10/7/1991  | 241284931<br>CA Đắk Lắk<br>cấp<br>17/6/2008    | TDP12, TT<br>Đắk Mil, Đắk<br>Mil, Đắk<br>Nông        | 800   |

Những thay đổi trong ban điều hành/ *Changes in the Board of Management*: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)/(List the changes in the Board of Management of the year).

Khi nhận tiếp quản từ Công ty TNHH MTV, Công ty giữ nguyên Ban điều hành của Công ty TNHH MTV đến nay Công ty mới cơ cấu, sắp xếp lại như trên.

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động./Number of staffs. Summary and changes of the employee policies.



Số lượng cán bộ, công nhân viên theo Phương án sắp xếp, sử dụng lao động sau cổ phần hóa được cấp có thẩm quyền phê duyệt: 172 lao động (bao gồm lao động tham gia BHXH và Hộ nhận khoán theo ND 135/2005/ND-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ).

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/Investment activities, project implementation

a) Các khoản đầu tư lớn/ *Major investments*: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án/), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết/ *Specify major investments implemented for the year (including financial investments and projects investment), the implementation progress of major projects. In case the Company has conducted public offering for the projects, it is necessary to indicate the progress of implementation of the projects and analyze the reasons in case of achievement/failure to achieve the announced and committed targets.*

Trong năm 2019, Công ty đang trong quá trình bàn giao chưa triển khai các khoản đầu tư lớn.

b) Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies*: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết)/ *(Summarizing the operations and financial situation of the subsidiaries, associated companies).*

Công ty chưa có Công ty con, công ty liên kết

### 4. Tình hình tài chính/ *Financial situation*

#### a) Tình hình tài chính/ *Financial situation*

| Chỉ tiêu/ <i>Financial Figure</i>   | Năm/Year<br>X - 1 | Năm/Year<br>2019 | % tăng<br>giảm/ %<br>change |
|---|-------------------|------------------|-----------------------------|
| <i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/ Applicable for organization other than credit institutions and non-bank financial institutions:</i> |                   |                  |                             |
| Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>  |                   | 16.194.227.467   |                             |
| Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i>   |                   | 1.079.982.000    |                             |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ <i>Profit from operating activities</i>  |                   | - 655.595.643    |                             |
| Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i>  |                   | 714.023.561      |                             |
| Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i>  |                   | 58.427.918       |                             |
| Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i>   |                   | 18.845.047       |                             |

|  |  |  |  |
|--|--|--|--|
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ <i>Payout ratio</i><br>* Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/ <i>Applicable to credit institutions and non-bank financial institutions:</i><br>Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i><br>Doanh thu/ <i>Revenue</i><br>Thuế và các khoản phải nộp/ <i>Taxes and payables</i><br>Lợi nhuận trước thuế/ <i>Before tax profit</i><br>Lợi nhuận sau thuế/ <i>After tax profit</i> |  |  |  |
|--|--|--|--|

- Các chỉ tiêu khác/ *other figures:* (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất/ *depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years*).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/ *Major financial benchmarks:*

| <b>Chỉ tiêu/ <i>Benchmarks</i></b>   | <b>Năm/Year<br/>X - 1</b> | <b>Năm/Year<br/>2019</b>         | <b>Ghi chú/Note</b> |
|--|---------------------------|----------------------------------|---------------------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ <i>Solvency ratio</i><br>+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/ <i>Current ratio:</i><br>Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn<br>( <i>Short term Asset/Short term debt</i> )<br>+ Hệ số thanh toán nhanh/ <i>Quick ratio:</i><br><u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u><br>Nợ ngắn hạn<br><u><i>Short term Asset - Inventories</i></u><br><u><i>Short term Debt</i></u> |                           | 2,00<br><br><br><br><br><br>0,06 |                     |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ <i>capital structure Ratio</i><br>+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản ( <i>Debt/Total assets ratio</i> )<br>+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu ( <i>Debt/Owners' Equity ratio</i> )  |                           | 0,12<br><br>0,14                 |                     |



|  |  |  |  |
|--|--|--|--|
| - Doanh số huy động tiền gửi/ <i>Cash deposits</i>   |  |  |  |
| - Doanh số cho vay/ <i>Lendings</i>  |  |  |  |
| - Doanh số thu nợ/ <i>Debt collection</i>  |  |  |  |
| - Nợ quá hạn/ <i>Outstanding debts</i>   |  |  |  |
| - Nợ khó đòi/ <i>Bad debt</i>  |  |  |  |
| - Hệ số sử dụng vốn/ <i>Incremental Capital Output Ratio</i>   |  |  |  |
| - Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh ( <i>Overdue underwritten debt/ Total outstanding debt Ratio</i> ) |  |  |  |
| - Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ ( <i>Overdue outstanding debts/ Total debt Ratio</i> )                               |  |  |  |
| - Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ ( <i>Bad debt/Total debt Ratio</i> )   |  |  |  |
| 3. Khả năng thanh khoản/ <i>Solvency</i>   |  |  |  |
| - Khả năng thanh toán ngay/ <i>Short term solvency</i>   |  |  |  |
| - Khả năng thanh toán chung/ <i>General solvency</i>   |  |  |  |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Shareholders structure, change in the owner's equity.*

a) Cổ phần/*Shares*: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài/*Specify total number and types of floating shares, number of freely transferable shares and number of preferred shares in accordance with the law, Company Charter and commitments of the owner. Where the company has securities traded in foreign countries or underwrited the issuance and listing of securities in foreign countries, it is required to specify the foreign*

markets, the number of securities to be traded or underwritten and important information concerning the rights and obligations of the company related to the securities traded or underwritten in foreign countries.

Tổng số cổ phần: 1.613.690 cổ phần đang lưu hành.

Trong đó: - Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 1.424.190 cổ phần.

- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 189.500 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông/*Shareholders structure*: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác/*Specify shareholders structure by ownership proportion (major, minority shareholders); institutional and individual shareholders; domestic and foreign shareholders; State and other shareholders*).

- Cổ đông cá nhân lớn trúng đấu giá bán cổ phần (04 cổ đông) tỷ lệ: 83,26%.

- Cổ đông cá nhân là CB CNV lao động (141 cổ đông) tỷ lệ: 11,74%.

- Cổ đông Nhà nước (UBND tỉnh Đắk Nông) tỷ lệ: 05,00%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/*Change in the owner's equity*: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v./*Specify equity increases for the year including public offerings, private offerings, bond conversions, warrant conversions, issuance of bonus shares, shares dividend, etc.*

Chưa có thay đổi trong kỳ.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/*Transaction of treasury stocks*: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch/*Specify number of existing treasury stocks, list transactions of treasury stocks conducted for the year including trading times, prices and counter parties*

Chưa có giao dịch cổ phiếu trong kỳ.

e) Các chứng khoán khác/*Other securities*: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán/*Specify other securities issuance conducted during the year. Specify the number, characteristics of other types of floating securities and outstanding commitments of the Company to other individuals, organizations (including Company's staffs and managers) related to the securities issuance.*

Không có Chứng khoán khác.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/*Report related impact of the Company on the environment and society*

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/*Management of raw materials*:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/*The total amount of raw materials used for the*

*manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.*

Công ty nhận bàn giao chính thức từ 25/7/2019. Từ đó đến cuối năm 2019 về nguyên vật liệu đầu tư cho SXKD chỉ bón phân hai lần và phun thuốc BVTV để chuẩn bị thu hoạch cho diện tích cà phê SXTT 57 ha.

Số lượng như sau:

+ Phân NPK 20-20-15: 64.100 kg, thành tiền: 861.504.000 đồng.

+ Thuốc trừ sâu Ròng đỏ: 172 chai, thành tiền 34.400.000 đồng.

Số lượng nguyên nhiên vật liệu trên Công ty mua và xuất dùng, không tồn kho.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/ *The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization.*

Không có

*6.2. Tiêu thụ năng lượng/ Energy consumption:*

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/ *Energy consumption - directly and indirectly.*

Công ty là doanh nghiệp nhỏ, lượng năng lượng tiêu thụ không đáng kể. Bao gồm:

+ Xăng ô tô con;

+ Điện sinh hoạt của Trụ sở Công ty;

+ Nước sinh hoạt tự bơm từ giếng đào.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/ *Energy savings through initiatives of efficiently using energy.*

Không có.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/ *The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives.*

Không có.

*6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ Water consumption (water consumption of business activities in the year)*

Nước dùng cho hoạt động SXKD: tưới tiêu cà phê, Công ty TNHH MTV đã triển khai tưới nước vào tháng 02 và 3 năm 2019.

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/ *Water supply and amount of water used.*

Lượng nước dùng qua hợp đồng sử dụng nước (thủy lợi phí) với Công ty TNHH MTV QL khai thác các công trình thủy nông tỉnh Đắk Nông, Chi nhánh Đắk Mil.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/ *Percentage and total volume of water recycled and reused.*

Không có.

6.4. *Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/ Compliance with the law on environmental protection:*

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment.*

Không vi phạm.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment.*

Không có.

6.5. *Chính sách liên quan đến người lao động/ Policies related to employees*

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/ *Number of employees, average wages of workers.*

+ Số lượng lao động bình quân trong năm: 51 lao động.

+ Tiền lương bình quân: .5.100.000 đồng/người/tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/ *Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.*

Tham gia vào nộp đủ, đúng, kịp thời các chế độ của người lao động: BHXH, BHYT, BHTN và kinh phí Công đoàn 2%. Đăng ký khám sức khỏe định kỳ cho người lao động hàng năm. Trang cấp BHLĐ, trang phục hàng năm; tổ chức huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động theo quy định. Chi hỗ trợ phúc lợi xã hội vào các ngày lễ lớn trong năm như: 8/3, 2/9, 20/10, Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán, v,v...

c) Hoạt động đào tạo người lao động/ *Training employees*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/ *The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff.*

Thời gian hoạt động của Công ty chưa nhiều nên việc triển khai quy chế đào tạo cho người lao động chưa thực hiện.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/ *The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.*

6.6. *Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ Report on responsibility for local community.*

Trong dịp Tết Nguyên đán Canh Tý Công ty đã ủng hộ Tết vì người nghèo, nạn nhân chất độc da cam Xã Thuận An 70 suất quà, trị giá: 300.000 đồng/suất. Tổng giá trị hỗ trợ 21 triệu đồng. Ngoài ra, có đề xuất với các cổ đông lớn của Công ty ủng hộ Bản pháo hoa chào mừng Xuân Canh Tý 2020 đối với TP Gia Nghĩa và huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/ *The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.*

Chưa thực hiện.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/ Green capital market activities under the guidance of the SSC.

Chưa thực hiện.

*Lưu ý/Note: (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm)/ (As for Section 6 of Part II of this Appendix, the company may set up a separate Sustainability Development Report, in which the items 6.1, 6.2 and 6.3 are not mandatory for companies operating in sector of finance, banking, securities and insurance).*

### **III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ Report and assessment of the Board of Management (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty/the Board of Management reports and assesses on the situation in all aspects of the Company)**

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau/*The Board of Management's reports and assessments shall include at least the following contents:*

#### **1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ Assessment of operating results**

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)/ *General analysis of company's operations against the targets and previous operating results. In case the operating results do not meet targets, clearly state the reasons and responsibilities of the Board of Directors for such results (if any).*

Về kết quả hoạt động SXKD từ 25/7 đến 31/12/2019 không đạt như những năm về trước.

Nguyên nhân:

+ Do lộ trình cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV cà phê Thuận An tiến hành từ 01/2016 (thời điểm XDGTĐN 30/6/2016) nhưng do chậm tiến độ phải làm lại (thời điểm XDGTĐN 30/6/2018) đến 24/7/2019 Công ty TNHH MTV mới lập báo cáo tài chính để chính thức bàn giao sang Công ty Cổ phần. Trong giai đoạn trên diện tích cà phê giao khoán theo Nghị định 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ quá già cỗi, hết thời hạn giao khoán, Công ty Cổ phần không thể tiếp tục giao khoán, nguồn thu giảm.

+ Theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp, các Công ty phải tiến hành làm hồ sơ và ký hợp đồng thuê đất nhưng Công ty TNHH MTV đang trong tiến trình cổ phần hóa không triển khai thực hiện quy định trên, kết quả SXKD những năm trước lãi nhiều một phần do chưa hạch toán đầy đủ chi phí: *tiền thuê đất*.

+ Những năm gần đây, thời tiết không thuận lợi, hạn hán, mất mùa, năng suất cà phê giảm; giá cả thị trường giảm thấp đến nay chưa phục hồi ( $\approx 30.000$  đ/kg nhân xô R<sub>2</sub>5%).

- Những tiến bộ công ty đã đạt được/*The Company's achievements.*

+ Đề nghị HĐQT giải quyết thanh lý dân vườn cà phê già cỗi hết thời gian giao khoán. Tổ chức đấu giá công khai bán cây cà phê, muồng đen trên đất, cải tạo đất chuyển đổi



trồng cây ngắn ngày để tạo nguồn thu nhập ổn định đời sống cho người lao động và phát triển công ty về lâu dài.

+ Trong vụ thu hoạch cà phê 2019, diện tích giao khoán còn ít, sản lượng giao nộp được giảm 50%, đồng thời để đảm bảo hoàn thành kế hoạch và tạo điều kiện thuận lợi trong giao nộp cho hộ nhận khoán Công ty đã giải quyết nộp bằng tiền theo giá thời điểm tại trang mạng *giacaphe.com*.

Từ những biện pháp trên, năm 2019 Công ty đã tạo được nguồn thu nhập kịp thời, khắc phục khó khăn, giải quyết lương, chi phí cho hoạt động SXKD, ổn định hoạt động của Công ty.

## **2. Tình hình tài chính/ Financial Situation**

### **a) Tình hình tài sản/ Assets**

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)/ *Analysis of the asset, changes in assets (analysis, assessment of the efficiency of assets usage, bad liabilities, bad assets that affect business results)*.

Công ty đang trong quá trình tổ chức bàn giao nên chưa có biến động, thay đổi về tài sản.

### **b) Tình hình nợ phải trả/ Liabilities**

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ *Current debts, major changes of debts*.

Nợ trong năm của Công ty chỉ tăng do việc các cổ đông lớn thống nhất kế thừa khoản lỗ trong hoạt động kinh doanh làm âm vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần là 1.925.223.328 đồng.

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/ *Analysis of outstanding debts, impact of the exchange rate changes on operating results of the company, and the cost of borrowing to the company's results*.

Không có nợ xấu.

## **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ Improvements in organizational structure, policies, management**

Năm 2019 Công ty tiếp nhận bàn giao nên chưa cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý. Quý I/2020, thực hiện lộ trình thanh lý, cải tạo đất, thay đổi cây trồng, Công ty đã sắp xếp lại cơ cấu tổ chức như trình bày phần trên. Tổ chức lại một đội sản xuất quản lý, tổ chức hoạt động SXKD 54,437 ha cà phê sản xuất tập trung.

## **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/ Development plans in the future**

Định hướng phát triển trong tương lai: Dự án trồng 93 ha Bưởi da xanh và 109 ha Bơ đang trình HĐQT để xin chủ trương. Trong thời gian cải tạo, chuẩn bị đất Công ty đang trồng các loại cây ngắn ngày: Khoai lang Nhật, Chanh dây, Nghệ, Đậu phông.

**5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần)/Explanation of the Board of Directors for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not absolutely approved).**

Thông nhất đánh giá của kiểm toán.

**6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/ Assessment Report related to environmental and social responsibility of company**

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/ *Review concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions...)*.

Công ty chấp hành nghiêm các quy định về môi trường.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/ *Review concerning the problems of workers*

Thực hiện đầy đủ các quy định liên quan đến quản lý, sử dụng lao động.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/ *Review concerning corporate responsibility towards the local community*

Luôn luôn quan tâm đến trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đối với địa bàn doanh nghiệp đứng chân.

**IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/Assessments of the Board of Management on the Company's operation (for joint stock companies)**

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ Assessments of the Board of Management on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.*

Trong bối cảnh thị trường giá cả cà phê xuống hấp, chuyển giao công ty TNHH sang công ty cổ phần; tâm lý người lao động còn giao động, ý thức chấp hành chưa tốt, lè lỏi làm việc chưa đi vào nề nếp, tình hình gây mất an ninh trật tự, trộm cắp và cắt cây cà phê già cỗi, muông đen diễn biến phức tạp, cà phê khoán 135 đã hết hạn, dẫn đến công tác thu còn gặp khó khăn, nhưng công ty đã nỗ lực sản xuất theo đúng kế hoạch, triển khai nhiều giải pháp thực hiện: gặt gỡ và trao đổi hộ nhận khoán nộp đủ sản lượng, tổ chức bảo vệ, canh gác, bảo vệ thu hoạch một cách nghiêm túc, nên kế hoạch sản xuất đã đạt và vượt kế hoạch đề ra.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/Assessment of Board of Directors on Board of Management' performance*

Năm 2019, Ban giám đốc có nhiều cố gắng trong việc tổ chức, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, bước đầu có hiệu quả. Năm 2019 cần tập trung đẩy mạnh công tác bảo vệ đất đai, bảo vệ sản phẩm thu hoạch, cắt giảm chi phí không hợp lý để đảm bảo an toàn vốn cho Công ty.

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/ Plans, orientations of the Board of Directors*

- HĐQT xác định, việc sản xuất trồng và chăm cà phê vẫn là trọng tâm trong hoạt động kinh doanh của công ty.

- HĐQT tăng cường chỉ đạo việc rà soát, kiện toàn công tác quản lý, kiểm soát nội bộ, tăng cường kiểm soát chi phí, thanh lý vườn cây cà phê già cỗi, bảo vệ đất đai, tổ chức tiến hành trồng cây ngăn ngày để bù đắp các khoản chi trả tiền thuê đất, quản lý doanh nghiệp nhằm đảm bảo hiệu quả hơn trong việc sử dụng vốn.

- Phối hợp cùng Ban điều hành xem xét, cơ cấu lại sản xuất cho phù hợp với thực tế. Giám sát, hỗ trợ Ban giám đốc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao. Quan tâm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho cổ đông, từng bước cải thiện thu nhập và điều kiện làm việc cho người lao động.

**V. Quản trị công ty/Corporate governance** (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này)/*Non-listed organizations are not obliged to disclose the information in this Section*).

**1. Hội đồng quản trị/ Board of Directors**

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/*Members and structure of the Board of Directors*: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác/ *(list of members of the Board of Management, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company, clearly Specify independent and other members; number of positions that a member the Board of Management held in other companies)*).

| TT | Tên cổ đông         | Giấy ĐKKD/CMND | Địa chỉ  | Số cổ phần       | Tỷ lệ (%)    |
|----|---------------------|----------------|--|------------------|--------------|
| 1  | Hoàng Hải           | 022381294      | 66/7C Bạch Vân, P.5, Q.5 TP Hồ Chí Minh                            | 350.000          | 21,69        |
| 2  | Nguyễn Thị Cẩm Vang | 025215820      | 4/9 đường 1, P.Tăng Nhơn Phú B, Q.9, Hồ Chí Minh                   | 200.000          | 12,39        |
| 3  | Trần Quang Hiến     | 013269880      | 43 Nam Ngự, Q.Hoàn Kiếm, TP Hà Nội                                 | 360.000          | 22,31        |
| 4  | Trịnh Quốc Bình     | 001082020833   | Phòng 8 C3-TT Viện Sốt rét-289 Lương Thế Vinh, Nam Từ Liêm, Hà Nội | 433.505          | 26,86        |
| 5  | Nhà nước            |                |  | 80.685           | 5,00         |
|    | <b>Tổng</b>         |                |  | <b>1.424.190</b> | <b>88,26</b> |

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/*The committees of the Board of Director*: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban/*Listing the committees of the Board of Directors and members of each committee*).

Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors*: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessment on the Board of Directors, specifying the number of meetings, contents and results of Board of Directors meetings*.

Năm 2019, HĐQT đã tiến hành 05 phiên họp, ban hành Nghị quyết, Quyết định về các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty nói chung và cổ đông nói riêng. Thống nhất về mặt chiến lược, định hướng phát triển, chỉ đạo thực hiện KH SXKD, thông qua kết quả hoạt động kinh doanh, thông qua các quy chế hoạt động củ công ty, sơ đồ tổ chức bộ máy, tái cơ cấu các phòng ban và giải quyết lao động dôi dư,

chỉ đạo công tác quyết toán doanh nghiệp, bàn giao công tác cổ phần hóa, quản lý đất đai,...

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/*Activities of independent members of the Board of Directors*. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị/*Activities of the committees of the Board of Directors*: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*assessment of activities of the committees of the Board of Directors, specifying the number of meetings of each committee, contents and results of the meetings*).

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/*List of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate governance. List of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year*.

| <b>Hội đồng quản trị:</b> |                    |
|---------------------------|--------------------|
| Ông: Nguyễn Ngọc Nghị     | Chủ tịch HĐQT      |
| Ông: Lê Văn Một           | TV. HĐQT- Giám đốc |
| Ông: Nguyễn Đức Duy       | TV. HĐQT           |
| Ông: Bùi Minh Tuấn        | TV. HĐQT           |
| Bà: Nguyễn Thu Hà         | TV. HĐQT           |

Các thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng đầy đủ quy định của pháp luật về quản trị Công ty.

## 2. Ban Kiểm soát/ *Board of Supervisors*

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/*Members and structure of the Board of Supervisors*: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/*list of members of the Board of Supervisors, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company*).

| <b>Ban Kiểm soát:</b> |                   |
|-----------------------|-------------------|
| Ông: Ngô Hồng Minh    | Trưởng ban        |
| Ông: Nguyễn Anh Tuấn  | TV. Ban kiểm soát |
| Ông: Lương Thanh Bình | TV. Ban Kiểm soát |

Các thành viên Ban kiểm soát không sở hữu cổ phần Công ty.

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/*Activities of the Board of Supervisors*: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessment of the Board of Supervisors, specifying the number of meetings, contents and results of the Board of Supervisors meetings*).

Thực hiện theo quy định của luật doanh nghiệp, điều lệ công ty và nghị quyết của ĐHD cổ đông.

## 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ *Transactions, remunerations and interests of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors*

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/*Salary, rewards, remuneration and benefits*: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên

Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ/*Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director and General Director and managers. Values of such remuneration, benefits and expenses shall be disclosed in details for each person. Non-material benefits or interests which have not been/cannot be quantified by cash shall be listed and accounted for sufficiently*).

Trong năm 2019, Công ty chỉ chi trả thù lao các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất ngày 18/7/2020:

| Số TT     | Họ và tên                        | Chức danh          | Số tiền (đồng)    |
|-----------|----------------------------------|--------------------|-------------------|
| <b>I</b>  | <b>Kết quả chi trả năm 2019:</b> |                    | <b>70.000.000</b> |
| <b>1/</b> | <b>Hội đồng quản trị:</b>        |                    | <b>52.500.000</b> |
| -         | Ông: Nguyễn Ngọc Nghị            | Chủ tịch HĐQT      | 12.500.000        |
| -         | Ông: Lê Văn Một                  | TV. HĐQT- Giám đốc | 10.000.000        |
| -         | Ông: Nguyễn Đức Duy              | TV. HĐQT           | 10.000.000        |
| -         | Ông: Bùi Minh Tuấn               | TV. HĐQT           | 10.000.000        |
| -         | Bà: Nguyễn Thu Hà                | TV. HĐQT           | 10.000.000        |
| <b>2/</b> | <b>Ban Kiểm soát:</b>            |                    | <b>17.500.000</b> |
| -         | Ông: Ngô Hồng Minh               | Trưởng ban         | 7.500.000         |
| -         | Ông: Nguyễn Anh Tuấn             | TV. Ban kiểm soát  | 5.000.000         |
| -         | Ông: Lương Thanh Bình            | TV. Ban Kiểm soát  | 5.000.000         |

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ/ *Transactions of internal shareholders*: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about share transactions of the members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director), Chief Accountant, managers, Company Secretary, major shareholders and the affiliated persons*).

Trong năm tài chính không có.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ/ *Contracts or transactions with internal shareholders*: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about the contracts, or transactions that Company's members of the Board of Supervisors, Director (General Director), managers and affiliated persons entered into or executed in the year with the company, subsidiaries, other companies in which the company hold the control rights*).

Trong năm tài chính không có.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/ *Implementation of regulations on corporate governance*: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty/*Clearly specify the contents which have*

not been implemented in accordance to the law on corporate governance. Reasons, solutions and remediation plans/plans to improve efficiency in corporate governance).

Thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp 2014 và Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty.

## VI. Báo cáo tài chính/ *Financial statements*

### 1. Ý kiến kiểm toán/*Auditor's opinions*

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần cà phê Thuận An tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/*Audited financial statements* (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên/*Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explanation. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance to the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and the addresses where the financial statements of the parent company or the general Financial Statements or the financial statements of superior accounting units to be published and provided).*

## XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY *CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE*



*Lê Văn Một*  
**GIÁM ĐỐC**  
*Lê Văn Một*